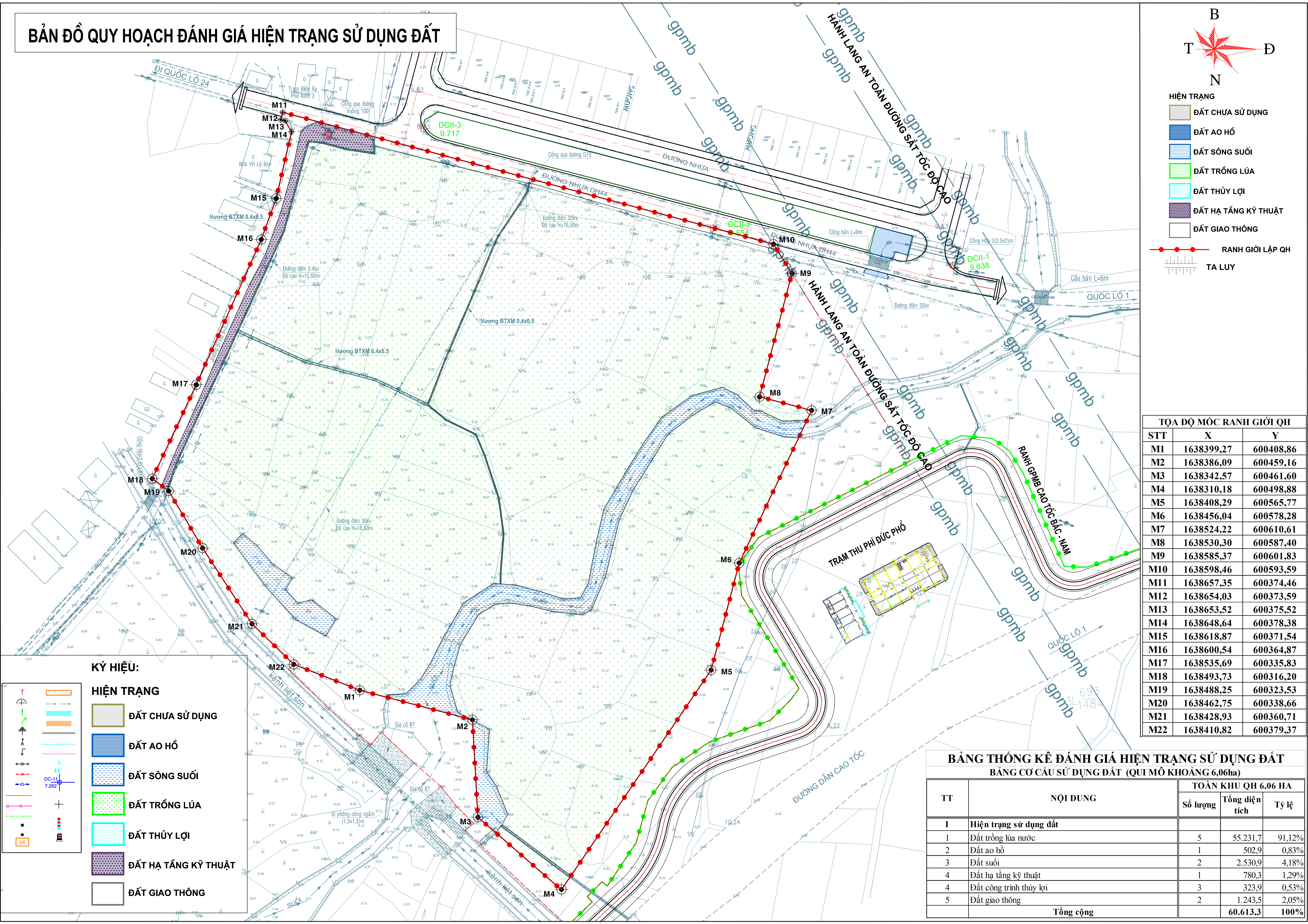


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT



B

T

N

Đ

HIỆN TRẠNG

ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

ĐẤT AO HỒ

ĐẤT SÔNG SUỐI

ĐẤT TRỒNG LÚA

ĐẤT THỦY LỢI

ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐẤT GIAO THÔNG

RANH GIỚI LẬP QH

TA LUY

TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI QH		
STT	X	Y
M1	1638399,27	600408,86
M2	1638386,09	600459,16
M3	1638342,57	600461,60
M4	1638310,18	600498,88
M5	1638408,29	600565,77
M6	1638456,04	600578,28
M7	1638524,22	600610,61
M8	1638530,30	600587,40
M9	1638585,37	600601,83
M10	1638598,46	600593,59
M11	1638657,35	600374,46
M12	1638654,03	600373,59
M13	1638653,52	600375,52
M14	1638648,64	600378,38
M15	1638618,87	600371,54
M16	1638600,54	600364,87
M17	1638535,69	600335,83
M18	1638493,73	600316,20
M19	1638488,25	600323,53
M20	1638462,75	600338,66
M21	1638428,93	600360,71
M22	1638410,82	600379,37

BẢNG THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT				
BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT (QUI MÔ KHOẢNG 6,06ha)				
TT	NỘI DUNG	TOÀN KHU QH 6,06 HA		
		Số lượng	Tổng diện tích	Tỷ lệ
1	Hiện trạng sử dụng đất			
1	Đất trồng lúa nước	5	55.231,7	91,12%
2	Đất ao hồ	1	502,9	0,83%
3	Đất suối	2	2.530,9	4,18%
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	1	780,3	1,29%
4	Đất công trình thủy lợi	3	323,9	0,53%
5	Đất giao thông	2	1.243,5	2,05%
Tổng cộng			60.613,3	100%